

Bản án số: 24/2020/HS-ST  
Ngày 24/9/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Doanh Thị Mây

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thùy Linh

Bà Dương Thị Lầu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với:

Bị cáo **Nông Văn Đ**, sinh ngày 10/12/1995.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm C, xã Đ, huyện B, tỉnh C.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Lô Lô; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nông Văn D, sinh năm 1965 (đã chết) và bà Chu Thị Đ, sinh năm 1966; vợ Tô Thị N, sinh năm 1999; con: có 01 (một) con sinh năm 2019;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó là tạm giam từ ngày 30/5/2020. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**- Bị hại:**

+ Bà Đặng Thị T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Xóm K, xã L, huyện H, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

+ Bà Hứa Thị H, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Xóm K, xã B, huyện BL, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hứa Văn N, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Xóm K, xã B, huyện BL, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

+ Ông Đoàn Xuân K, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn Y, huyện B, tỉnh H (Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Tô Văn T, sinh năm 2004; Nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Bà Vũ Thị H, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Tổ B, thị trấn B, huyện BL, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Ông Lương Văn B, sinh năm 1985; Tạm trú tại: Tổ C, thị trấn B, huyện BL, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Bà Triệu Bùi G, sinh năm 1989; Tạm trú tại: Tổ C, thị trấn B, huyện BL, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Ông Phan Văn Th, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Xóm C, xã P, huyện BL, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

+ Ông Hứa Văn Tr, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Xóm K, xã B, huyện BL, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Thảo - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ, ngày 26/5/2020 Nông Văn Đ, sinh năm 1995 trú tại xóm C, xã Đ, huyện B, tỉnh C gặp Hứa Văn N, sinh năm 2001 trú tại xóm K, xã B, huyện BL, tỉnh C đang đi học về tại ngã ba đường xuống Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên thuộc Tổ D, thị trấn B, huyện BL, tỉnh C. Tại đây Đ hỏi mượn xe máy Honda Wave alpha màu trắng- đen- bạc, biển kiểm soát 11B1-325.70 của N, do quen biết từ trước nên N đồng ý. Sau khi mượn được xe Đ điều khiển xe máy đi tìm mua ma túy, khi đi đến gần khu chợ B, xã H thì Đ dừng mua xăng, Đ mở cốp xe thấy trong cốp có giấy đăng ký xe máy biển kiểm soát 11B1-325.70 mang tên Hứa Thị H và chứng minh nhân dân của N. Do bản thân nghiện ma túy và không có tiền nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy này. Mua xăng xong Đ điều khiển xe máy đến thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Ứng Tảng thuộc Tổ B, thị trấn B. Khoảng 09 giờ ngày 27/5/2020 Đ trả phòng nghỉ và đi photo 01(một) chìa khóa xe máy của N với giá 50.000 đồng

(Năm mươi nghìn đồng) tại cửa hàng của bà Vũ Thị H thuộc Tổ B, thị trấn B. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày Đ trả xe cho N. Do đã có ý định từ trước nên đến 23 giờ cùng ngày, Đ một mình đi bộ xuống chỗ trọ của N tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên thuộc Tổ D, thị trấn B, huyện BL, tỉnh C. Khi đến nơi Đ nhìn thấy xe của N đang để cạnh nhà vệ sinh, thấy không có ai Đ lấy chìa khóa đã photo sẵn mở khóa xe rồi điều khiển xe máy xuống thị trấn P, huyện B, tỉnh C. Đến sáng ngày 28/5/2020, Đ điều khiển xe máy đi quanh thị trấn P, huyện B tìm chỗ bán xe nhưng không bán được, Đ tiếp tục điều khiển xe máy đến thị trấn Y, huyện B, tỉnh H và bán chiếc xe máy trên cho Đoàn Xuân K, sinh năm 1979 trú tại Tổ A, thị trấn Y, huyện B, tỉnh H với giá 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), khi trao đổi mua bán Đ nói với K mình tên là N, xe máy do Đ mua nhưng không đủ tiền nên mới nhờ chị gái đứng tên. Sau khi bán được xe máy Đ sử dụng số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) có được thuê taxi từ thị trấn Y, huyện B, tỉnh H về thị trấn B, huyện BL với số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng), mua 01 (Một) đồng hồ đeo tay tại cửa hàng Nga Biển thuộc Tổ B, thị trấn B với giá 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), mua 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO với ông Lưu Văn B trú tại Tổ E, thị trấn B với giá 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) mua ma túy về sử dụng, tiêu sài cá nhân và chơi bi-a. Còn 1.160.000 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) khi bị bắt bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc tạm giữ.

Trước đó vào ngày 05/5/2020, Đ kết bạn làm quen qua ứng dụng Zalo với Đặng Thị T, sinh năm 1991 trú tại xóm K, xã L, huyện H, tỉnh C. Qua nói chuyện Đ dùng tên giả là K người BL còn T dùng tên giả là O người TN, sau khi làm quen cả hai cùng nhau đi chơi và ăn cháo đêm ở thị trấn B. Đến khoảng 01 giờ ngày 06/5/2020 Đ và T cùng nhau thuê phòng nghỉ 302 tại nhà nghỉ HĐ thuộc Tổ D, thị trấn B, C và nghỉ tại đó. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, do không có điện thoại (vì trước đó Đ cho bạn của mình tên là L mượn điện thoại) nên Đ hỏi mượn điện thoại của T để liên lạc với người thân mục đích hỏi mượn tiền để trả tiền nhà nghỉ. T đồng ý, và đưa điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 7 Plus màu đen có lắp sim 0392.643.982 bên ngoài có bọc ốp giả da màu nâu cho Đ. Mở vào ứng dụng zalo thấy nick Zalo của T, Đ hỏi *“Anh đăng xuất nick của em ra được không”* T bảo *“được”* sau đó Đ đăng xuất nick zalo của T và đăng nhập nick zalo của mình qua số điện thoại 0949.940.897 và gọi zalo âm thanh bằng tiếng dân tộc Lô Lô cho T (không rõ họ) trú tại T, BL có nick là *“Mệnh anh yêu em định”* vào lúc 10 giờ 03 phút với thời lượng 37 giây và gọi cho Nông Thị H (em họ của Đ) có nick là *“H T”* vào lúc 10 giờ 04 phút với thời lượng 01 phút hỏi mượn tiền nhưng không được (Trong lúc Đ gọi điện thì T có nghe thấy Đ nói chuyện nhưng bằng tiếng dân tộc nên không hiểu gì). Sau khi gọi điện xong Đ đặt điện thoại xuống giường gần mình và không nói gì, T cũng không hỏi Đ trả lại điện thoại cho mình. Khoảng 01 đến 02 phút sau T đi vào nhà vệ sinh, Đ thấy điện thoại đẹp, bản thân

không có điện thoại sử dụng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của T về sử dụng, nhưng do điện thoại đang bị khóa màn hình, không biết mật khẩu nên sau khi nảy sinh ý định, Đ giả vờ đưa điện thoại cho T nói là “*mở mật khẩu cho để gọi cho người khác*” mục đích là để T mở mật khẩu, Đ xem để biết và sau đó lấy điện thoại. Khi đưa điện thoại cho T, Đ đứng ở ngay cạnh cửa nhà vệ sinh còn T đứng ở cửa nhà vệ sinh cầm điện thoại mở mật khẩu là 000088, Tươi mở xong đưa cho Đ, Đ cầm điện thoại thử mở máy bằng mật khẩu trên thấy mở được nên nhanh chóng cầm điện thoại của T ra khỏi phòng nghỉ và điều khiển xe máy về nhà. Trên đường đi về đến xã L, huyện B Đ dừng xe tháo sim của T ra để ở ốp điện thoại, và lắp sim của Đ có số 0949.940.897 vào điện thoại của T. Khi mở ốp điện thoại ra thì phát hiện bên trong ốp điện thoại có số tiền 882.000 đồng (Tám trăm tám mươi hai nghìn đồng) (gồm các tờ có mệnh giá như sau: 01(một) tờ 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); 01(một) tờ 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); 01(một) tờ 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng); 01(một) tờ 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng); 01 tờ 10.000 đồng (Mười nghìn đồng); 01(một) tờ 2.000 đồng (Hai nghìn đồng)).

Về phía T, sau khi vệ sinh cá nhân xong quay ra thì không thấy Đ đâu, nghĩ Đ ra ngoài gọi điện thoại, chờ khoảng 10 phút không thấy Đ quay lại T gọi vào số thuê bao của mình 0392.643.982 nhưng không liên lạc được, xem qua ứng dụng Zalo thấy nick của Đ đang hoạt động, T gọi zalo âm thanh thì Đ tắt máy không nghe, chặn nick Zalo của T. Biết mình bị Đ lấy mất điện thoại nên đến khoảng 14 giờ cùng ngày T lên Công an thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tố giác về hành vi của Đ.

Ngày 07/5/2020, T đến Garage ô tô M thuộc Tổ E, thị trấn B gặp Lường Văn B (chủ garage trước đó Đ đến học nghề) xin số điện thoại của Đ, sau đó từ 21 giờ 56 phút đến 22 giờ 39 phút cùng ngày T gọi điện nói chuyện với Đ yêu cầu Đ trả lại điện thoại cùng với số tiền trong ốp điện thoại nếu không trả thì T sẽ báo Công an. Đến ngày 08/5/2020 lo sợ T báo Công an nên Đ đồng ý trả lại điện thoại và nhờ Tô Văn Th (cháu của Đ), sinh năm 2004 trú tại xóm C, xã Đ, huyện B, tỉnh C đem điện thoại đến Gara ô tô M nhờ B trả giúp điện thoại cho T. Do Đ chỉ trả điện thoại không trả tiền, nên T không nhận điện thoại. Vì vậy ngày 10/5/2020 B đến Công an thị trấn Bảo Lạc giao nộp chiếc điện thoại di động trên để Công an xử lý.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 08/BB-HĐĐG ngày 03/06/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc, Cao Bằng kết luận: 01(Một) chiếc xe máy Honda Wave alpha màu trắng- đen- bạc, biển kiểm soát: 11B1-325.70, số khung: 3901HY749117, số máy: JA39E0729302 (đã qua sử dụng) có giá 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 07/BB-HĐĐG ngày 22/05/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc, Cao Bằng kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 7 Plus màu đen, số IMEIL:

355351089228249 (đã qua sử dụng) có giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Đối với chiếc xe máy Honda Wave alpha màu trắng- đen- bạc, biển kiểm soát 11B1-325.70, quá trình điều tra xác định, bà Hứa Thị H, sinh năm 1999 trú tại xã B, huyện BL, tỉnh C là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe máy trên. Do bà H đi làm thuê ở N nên xe máy để cho em trai là Hứa Văn N sử dụng. Ngày 06/7/2020 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 13 trả lại chiếc xe máy trên cho Hứa Thị H.

Ngày 06/7/2020 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 14 trả lại cho bị hại Đặng Thị T là chủ sở hữu hợp pháp 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 7 Plus màu đen, số IMEIL: 355351089228249 (đã qua sử dụng); 01(một) ốp điện thoại giả da màu nâu.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Đặng Thị T trình bày: Ngày 05/5/2020 T đến thị trấn B chơi và quen biết Nông Văn Đ qua mạng xã hội zalo và cùng đi ăn với Đ. Đến khoảng 01 giờ ngày 06/5/2020 T và Đ cùng thuê phòng nghỉ 302 tại nhà nghỉ HĐ thuộc tổ D, thị trấn B, huyện BL, tỉnh C. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày Đ có hỏi mượn điện thoại của của T để liên lạc với người thân, T đồng ý cho Đ mượn điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 7 Plus màu đen bên ngoài có bọc ốp giả da màu nâu. Sau khi mượn điện thoại Đ gọi và nói chuyện với ai đó (Đ nói bằng tiếng dân tộc). Sau khi gọi điện xong Đ đặt điện thoại xuống giường và không nói gì. Khoảng một đến hai phút sau T đi vào nhà vệ sinh, Đ cầm điện thoại của T đến cửa nhà vệ sinh để nhờ mở khóa để gọi tiếp cho bạn. T mở khóa điện thoại xong đưa cho Đ, đến lúc quay ra ngoài thì không thấy Đ ở trong phòng nữa, T gọi vào số điện thoại của mình nhưng không liên lạc được. Chiếc điện thoại của T khi Đ lấy đi trong ốp lưng điện thoại có số tiền 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hiện nay T đã nhận lại được tài sản là chiếc điện thoại, T yêu cầu Đ phải trả lại số tiền 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và xử lý Đ theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra Hứa Thị H trình bày: Chiếc xe máy Honda màu trắng, biển kiểm soát 11B1-32570 là xe máy của bà mua vào khoảng tháng 10/2018 với giá khoảng 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Trong khoảng tháng 12/2019 chiếc xe này do em trai bà là Hứa Văn N sử dụng. Vào buổi tối ngày 27/5/2020 N có gọi điện thoại cho bà báo xe bị mất. Hiện nay bà đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy và không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Hứa Văn N trình bày: Ngày 27/5/2020 ông bị mất chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha biển kiểm soát 11B1-32570, giấy đăng ký xe mang tên Hứa Thị H là chị gái ông, trong cặp xe có 01 (một) giấy đăng ký xe moto mang tên Hứa Thị H và 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hứa Văn N. Đến khoảng 08 giờ ngày 30/5/2020 ông phát hiện tài khoản Facebook có tên là “L” đăng

tin bán xe có kèm theo hình ảnh và có nhiều đặc điểm giống với chiếc xe bị mất nên đã liên hệ đề trao đổi mua xe với chủ tài khoản “L” ở thị trấn Y, huyện B, tỉnh H, tại đây ông đã xác nhận đúng là chiếc xe máy ông đã bị lấy trộm vào ngày 27/5/2020. Hiện nay chị gái ông là chủ sở hữu chiếc xe máy bị mất đã nhận lại được tài sản. Ông yêu cầu bị cáo Đ bồi thường chi phí tiền công đi tìm xe cho ông từ huyện BL, tỉnh C đến thị trấn Y, huyện B, tỉnh H cho 02 người x 01 ngày = 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra Đoàn Xuân K trình bày: Ngày 28/5/2020 ông có được mua của một nam thanh niên 01 (một) xe máy Honda Wave Alpha màu trắng, biển kiểm soát 11B1-325.70 với giá 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Do lúc mua bán xe nam thanh niên có nói xe này của chị gái ruột. Ông thấy xe có giấy tờ đầy đủ và khớp với những thông tin thanh niên này cung cấp nên đã đồng ý mua. Sau khi mua được xe ông có đăng lên Facebook để bán xe. Sau khi đăng xong có một nam thanh niên tên là Hứa Văn N liên hệ để xin lại xe thì ông mới biết chiếc xe ông mua do trộm cắp mà có. Ông yêu cầu xử lý bị cáo Đ theo quy định của pháp luật. Đồng thời yêu cầu Đ phải bồi thường cho ông số tiền là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người làm chứng Tô Văn Th, Vũ Thị H, Lương Văn Bì, Triệu Bùi G, Phan Văn Th và Hứa Văn Tr đều xác định là những người quen biết của bị cáo Nông Văn Đ và các bị hại, lời khai của những người làm chứng đều xác định mối quan hệ, hành vi của bị cáo Đ phù hợp với lời khai nhận của bị cáo và lời trình bày của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 27/CT-VKSBL ngày 28/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nông Văn Đ theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Nông Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn Đ về tội Trộm cắp tài sản với khung hình phạt từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười năm) tháng tù; tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với khung hình phạt từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội với khung hình phạt từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi tư) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Đề nghị hội đồng xét xử: Buộc bị cáo Nông Văn Đ phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại bị cáo đã gây ra và công tìm kiếm tài sản cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Đề nghị hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, số IMEIL 1: 861414040542095; IMEIL 2: 861414040542085 điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 (một) đồng hồ nhãn hiệu MIKE màu vàng xét cần tịch thu, phát mại để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Số tiền: 2.042.000 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam xét cần được trả lại cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra đã tự nguyện trả lại tài sản, nộp lại tài sản với mong muốn khắc phục hậu quả mà bản thân đã gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất trong khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cho cả hai tội.

Bị cáo Nông Văn Đ thừa nhận hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nông Văn Đ thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sự quen biết và tin tưởng của người khác chiếm đoạt và trộm cắp tài sản phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội ở địa phương.

Theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

*“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản*

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...”*

*“Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*

*1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, có khả năng nhưng cố tình không trả”*

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Nông Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo Nông Văn Đ sinh ra và lớn lên tại xã Đ, huyện B, tỉnh C, được đi học nhưng sớm bỏ học, không nghề nghiệp, lười lao động bản thân sử dụng và lệ thuộc và ma túy. Tại cơ quan điều tra



và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy việc trả lại tài sản cho bị hại của bị cáo là chưa tự nguyện, trong cùng một thời gian ngắn bị cáo phạm hai tội liền kề về mặt thời gian nên bị cáo không được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trên.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chính đáng và có căn cứ nên buộc bị cáo Nông Văn Đ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản và các chi phí hợp lý cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị hại Đặng Thị T xác nhận đã nhận lại chiếc điện thoại Apple Iphone 7 Plus màu đen. Nay yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền được để trong ốp lưng điện thoại. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận và đã nộp tại cơ quan điều tra số tiền 882.000 đồng (Tám trăm tám mươi hai nghìn đồng) do bị cáo đã lấy trong ốp lưng điện thoại của bị hại. Bị hại không có chứng cứ để chứng minh số tiền là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Nên không có căn cứ buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đoàn Xuân K là người mua lại chiếc xe máy Honda Wave Alpha màu trắng, biển kiểm soát 11B1-325.70 với giá 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) ông K không biết chiếc xe máy này là do phạm tội mà có. Nên yêu cầu bị cáo Đ phải có trách nhiệm phải bồi thường số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hứa Văn N về khoản tiền công và tiền chi phí xăng xe đi lại từ huyện BL, tỉnh C đến huyện B, tỉnh H cho 02 (hai) người x 01 (một) ngày để tìm chiếc xe máy bị mất với tổng số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) là có căn cứ và hợp lý nên cần được chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, số IMEIL 1: 861414040542095; IMEIL 2: 861414040542085; điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 (một) đồng hồ nhãn hiệu MIKE màu vàng là tài sản bị cáo sử dụng tiền bán xe máy trộm cắp để mua nên xét cần tịch thu, phát mại để thi hành án cho bị cáo.

- Số tiền 2.042.000 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Trong đó: 882.000 đồng (Tám trăm tám mươi hai nghìn đồng) là tiền bị cáo nộp tại cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại T, nên xét cần trả lại cho Đặng Thị T; số tiền 1.160.000 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) là tiền bị cáo bán xe máy trộm cắp mà có nên xét cần được trả lại cho ông Đoàn Xuân K.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuyên bố bị cáo Nông Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175 ; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 12 (Mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 06 (Sáu) tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 18 (Mười tám) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo bị bắt 30/5/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nông Văn Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

- Bà Đặng Thị T, nơi cư trú xóm K, xã L, huyện H, tỉnh C) một khoản tiền là 882.000 đồng (Tám trăm tám mươi hai nghìn đồng).

- Ông Đoàn Xuân K, nơi cư trú Tổ A, thị trấn Y, huyện B, tỉnh H một khoản tiền là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

- Ông Hứa Văn N, nơi cư trú xóm K, xã B, huyện BL, tỉnh C một khoản tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với từng khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu, phát mại: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, số IMEIL 1: 861414040542095; IMEIL 2: 861414040542085 điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 (một) đồng hồ nhãn hiệu MIKE màu vàng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nông Văn Đ.

- Trả lại cho bà Đặng Thị T, nơi cư trú xóm K, xã L, huyện H, tỉnh C số tiền 882.000 đồng (Tám trăm tám mươi hai nghìn đồng) đã tạm giữ của bị cáo Nông Văn Đ.

- Trả lại cho ông Đoàn Xuân K, nơi cư trú Tổ A, thị trấn Y, huyện B, tỉnh H một khoản tiền là 1.160.000 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) đã tạm giữ của bị cáo Nông Văn Đ.

Toàn bộ số vật chứng trên đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 24 ngày 31/8/2020.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền  $(9.000.000 \text{ đ} + 1.000.000 \text{ đ} + 882.000 \text{ đ}) = 10.882.000 \text{ đồng} \times 5\% = 544.100 \text{ đồng}$  (Năm trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại T (vắng mặt bị hại H), có mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan N (vắng mặt K). Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện; Nhà tạm giữ;
- Sở Tư pháp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;
- Lưu.

**DOANH THỊ MÂY**